

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29/7/2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình

2. Bà Lý Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/HNGĐ-ST, ngày 22/6/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn T, sinh năm 1986*

ĐKHKTT: Tổ dân phố 05, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang

Nơi ở hiện nay: Số nhà 18, tổ dân phố 01, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang

** Bị đơn: Anh Hà H, sinh năm 1981*

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang

Hiện anh H đang chấp hành án tại Phân trại số 2, Trại giam T, Bộ Công an.

Chị Nguyễn T và anh Hà H đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Nguyễn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà H lấy nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại tổ 05, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2018 tình cảm vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh H đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, Bộ Công an. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà H.

Về con chung: Chị và anh Hà H có 01 con chung là cháu Hà H2, sinh ngày 24/9/2014; hiện nay cháu H2 đang ở cùng chị T. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện nay anh H đang phải chấp hành án phạt tù).

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Chị và anh H không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại tổ 05, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 11/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh H vi phạm pháp luật và hiện nay đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, Bộ Công an. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh, anh nhất trí. Do anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và anh xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn T có 01 con chung là cháu Hà H2, sinh ngày 24/9/2014; hiện cháu H2 đang ở cùng chị T. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vay nợ chung: Anh và chị T không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn (anh Hà H) đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, Bộ Công an nên Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được; Tòa án cũng đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối với từng nguyên đơn và bị đơn; nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí với các tài liệu, chứng cứ đã được công bố và nhất trí ly hôn; nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự đều xác nhận về tài sản chung và vay nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn T và anh Hà H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, không ai bổ sung yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T về việc xin ly hôn anh Hà H.

Về con chung: Giao cháu Hà H2, sinh ngày 24/9/2014 cho chị Nguyễn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn T và anh Hà H đều xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Nguyễn T và anh Hà H đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thành phố Tuyên Quang, căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 22/6/2022, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự; do bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, Bộ Công an nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án cũng đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối với từng nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn T và anh Hà H lấy nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại tổ 05, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện nay anh H đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, Bộ Công an.

Chị T và anh H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T xin ly hôn anh Hà H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn T và Anh Hà H có 01 con chung là cháu Hà H2, sinh ngày 24/9/2014; hiện nay cháu H2 đang ở cùng chị T. HĐXX thấy: Hiện nay anh H đang phải chấp hành án phạt tù nên không có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy cần giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên cần chấp nhận. Chị T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn T và anh Hà H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị Nguyễn T và anh Hà H xác định vợ chồng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hà H không phải chịu án phí của vụ án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 28; 35; 39; 147; Điều 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn T về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn T được ly hôn anh Hà H.
2. Về con chung: Giao cháu Hà H2, sinh ngày 24/9/2014 cho Chị Nguyễn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu); anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn T và anh Hà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về vay nợ chung: Chị Nguyễn T và anh Hà H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
5. Về án phí: Chị Nguyễn T phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000361 ngày 22/6/2022 của Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Hà H không phải chịu án phí của vụ án.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn T và anh Hà H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Phan Thiết, TPTQuang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang